

UNIT 6:**VIETNAM THEN AND NOW****I/ NEW WORDS: A CLOSER LOOK 2**

- banking system	(n) : hệ thống ngân hàng
- overthrow	(v) : lật đổ
- import	(v) : nhập khẩu
- export	(v) : xuất khẩu
- open-door policy	(n) : chính sách mở cửa
- unprofessional	(adj) : nghiệp dư
- relieved	(adj):c.thấy bớt c.thẳng
- astonished	(adj) : ngạc nhiên
- prime minister	(n) :thủ tướng chính phủ
- invest	(v) : đầu tư
- delighted	(adj) :vui mừng, hài lòng
- potential	(adj) : tiềm năng